CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Sơn Hà Sài Gòn

Ngày 31/03/2025	4,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.2%	**-4.8%**	**-4.4%**

DT thuần
Q1/25
278
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.0| -8.8%
YoY: ▲ 4.00| 1.6%

LN thuần
Q1/25
5.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.63| 158%
YoY: ▲ 2.01| 51.2%

LN sau thuế
Q1/25
3.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.79| 85.7%
YoY: ▲ 0.49| 14.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
4.8%
YoY: +/-▲ 1.2%

ROE (TTM)
Q1/25
3.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

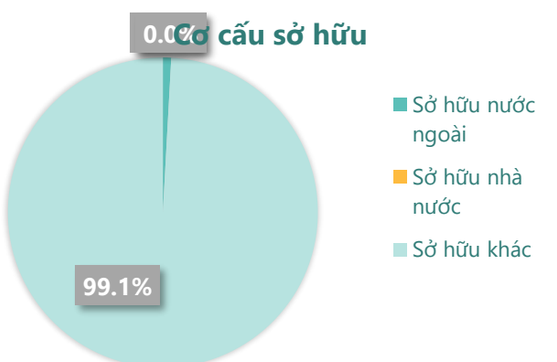
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,970 - 4,690
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	139
Số lượng CPLH (CP)	33,446,675
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,595
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.12
EPS	431
P/E	9.6

DT thuần
2024
1,140
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 56.0| 5.2%

LN thuần
2024
16.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20| 7.9%

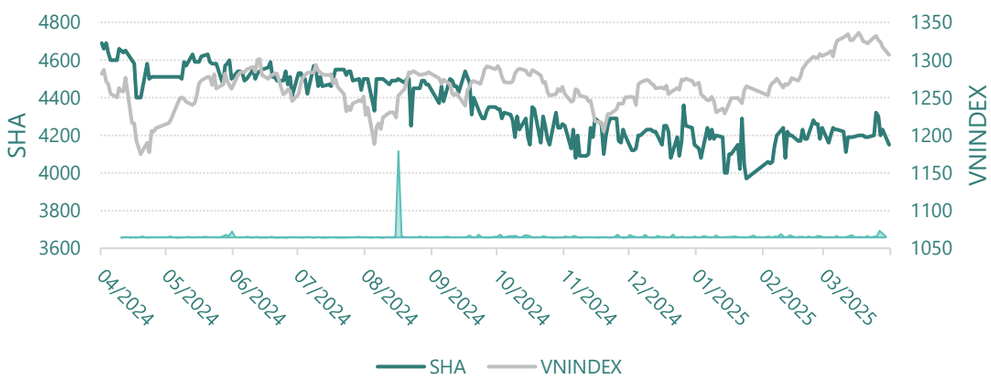
LN sau thuế
2024
13.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.10| 9.0%

Cơ cấu sở hữu

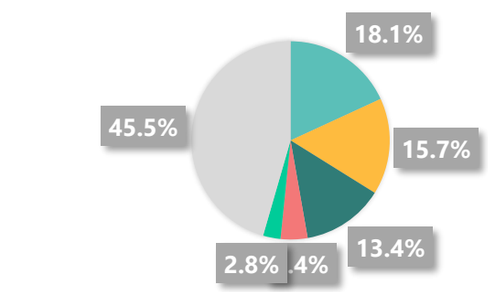


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

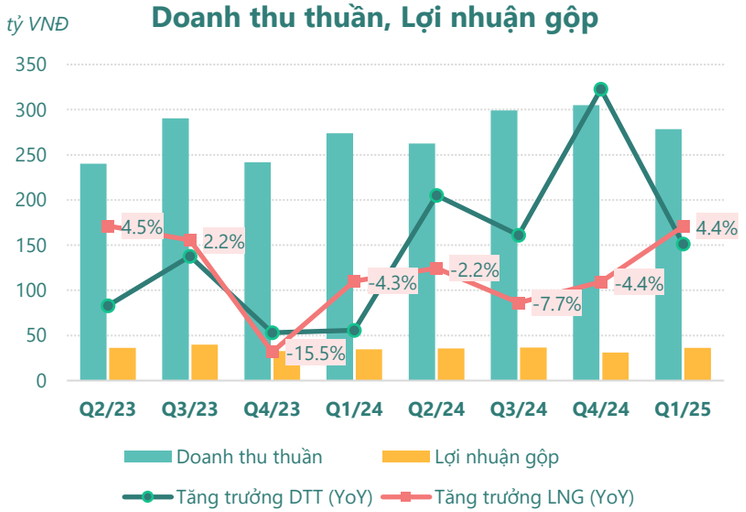


- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Công ty TNHH MTV Tổng hợp Lê Gia
- Lê Hoàng Hà (Chủ tịch HĐQT)
- Trịnh Thị Phương Linh (Thành viên HĐQT)
- CTCP Đầu tư Công nghệ Sơn Hà Xanh

(Nguồn: fireant.vn)

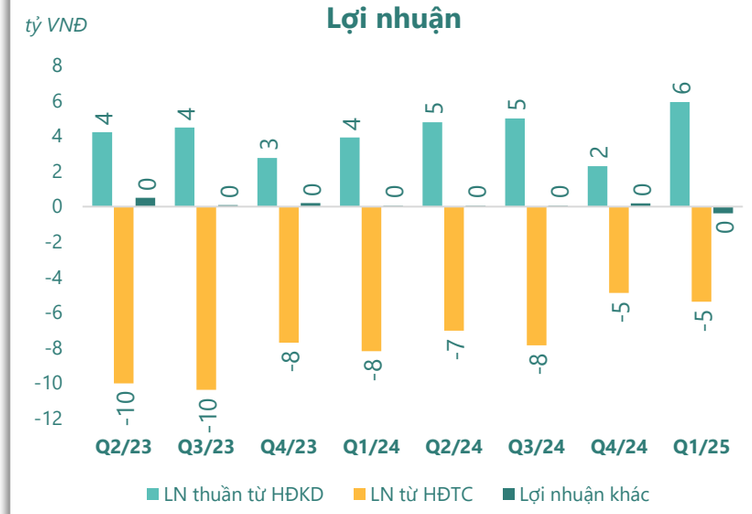
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



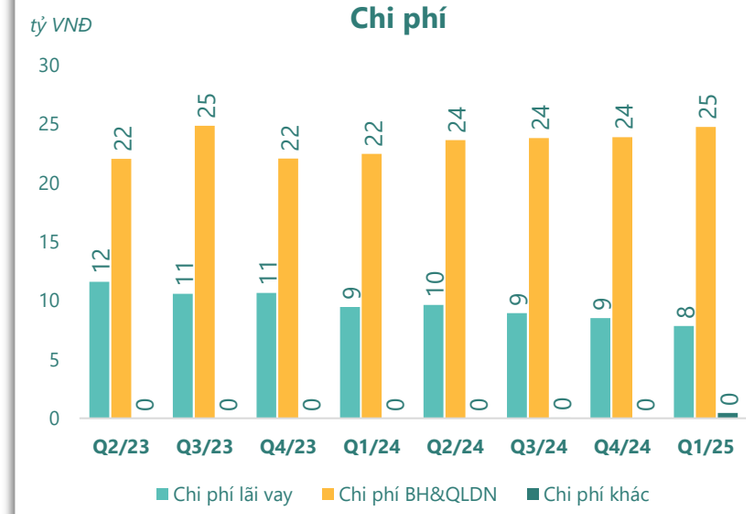
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



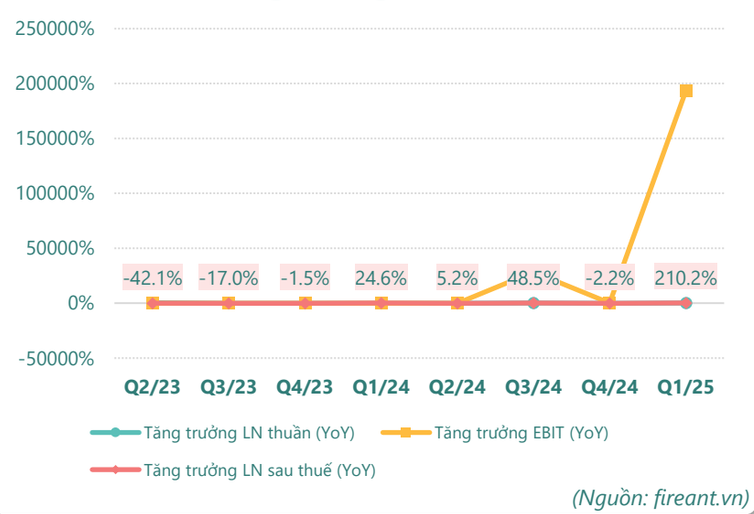
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



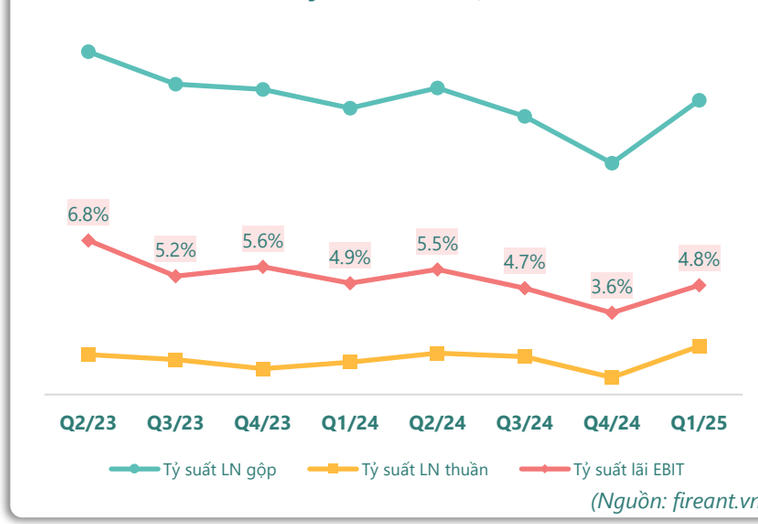
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



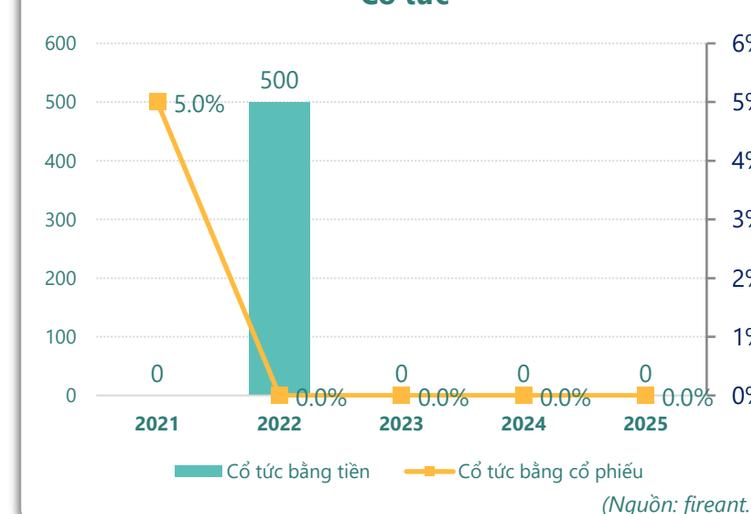
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

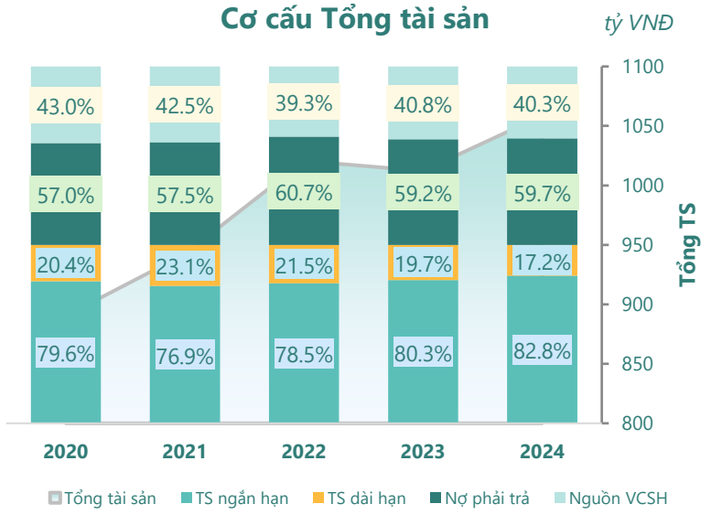
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

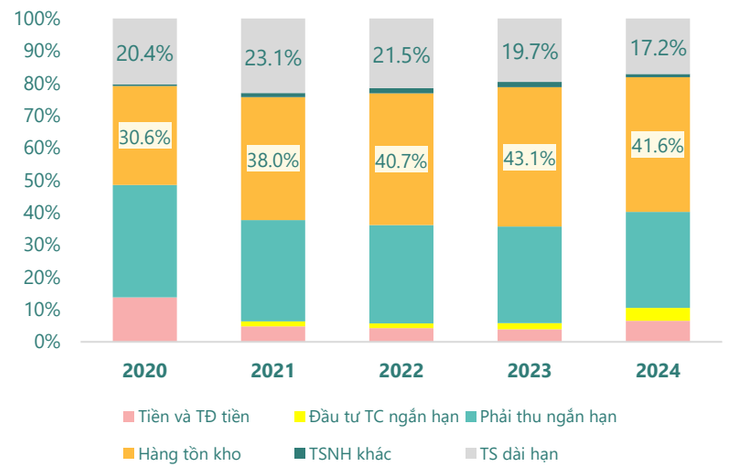
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



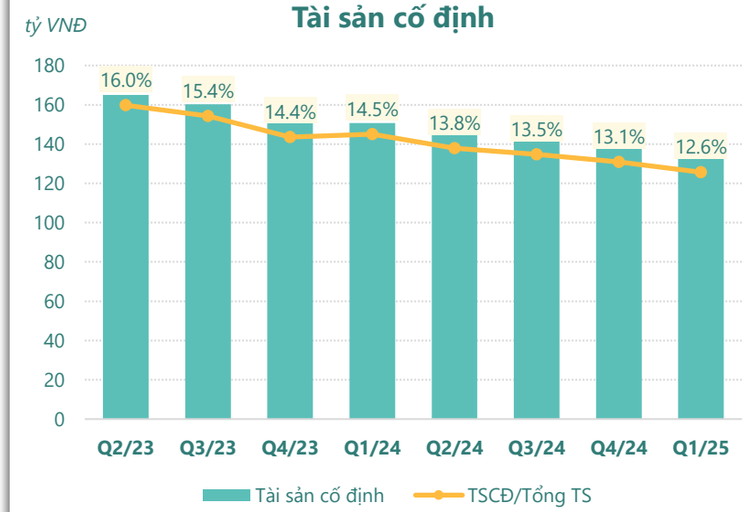
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



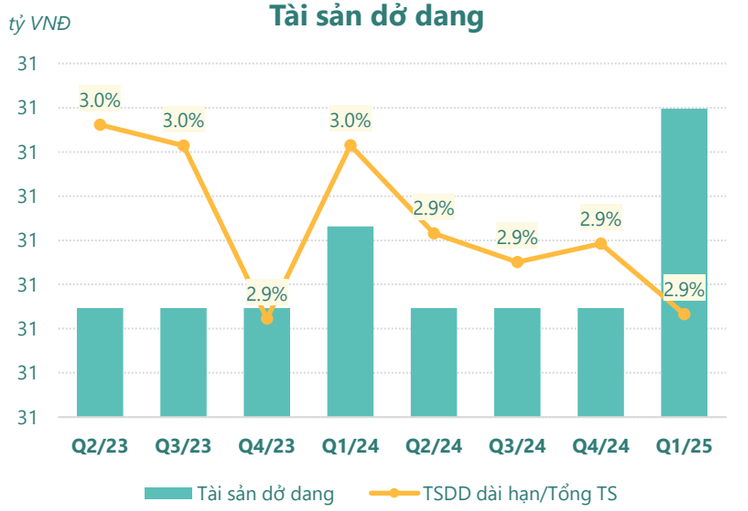
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



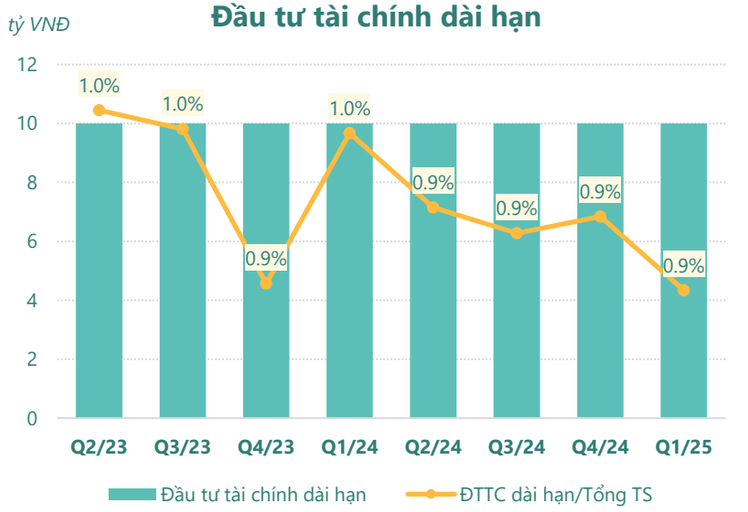
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



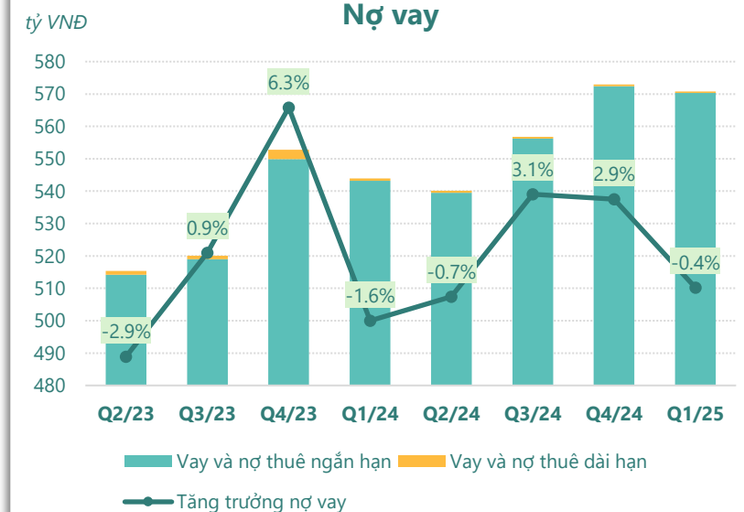
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

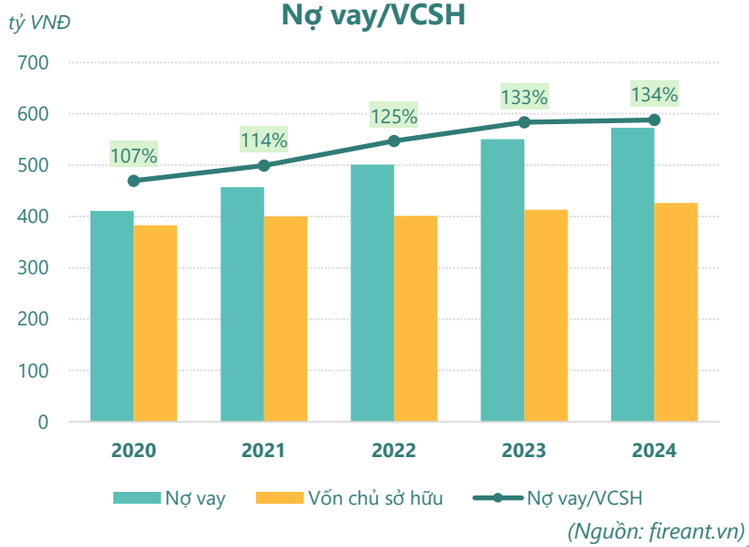
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

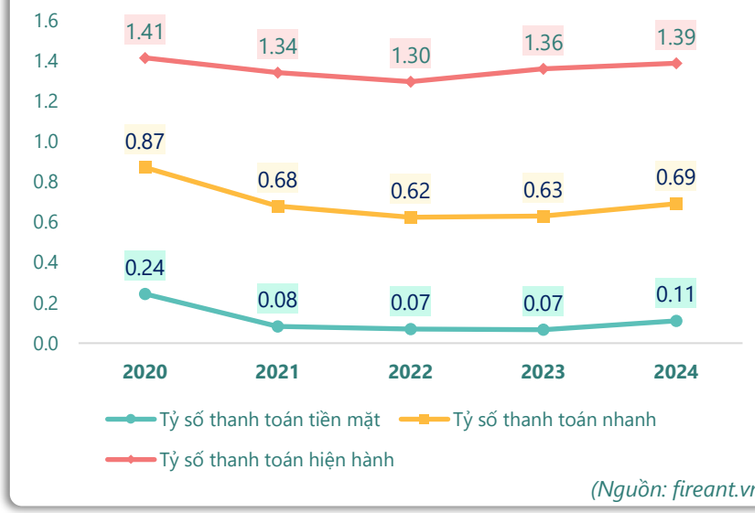
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



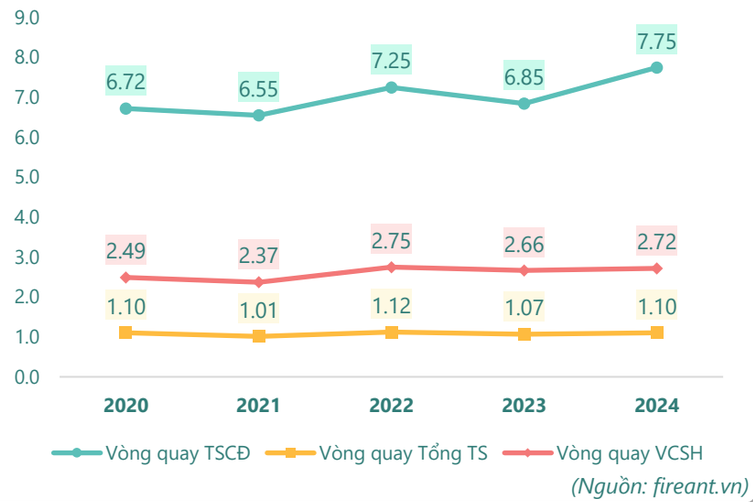
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



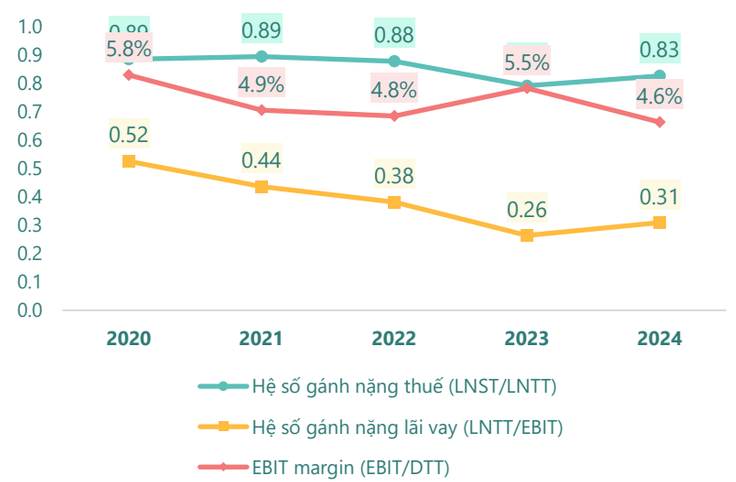
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



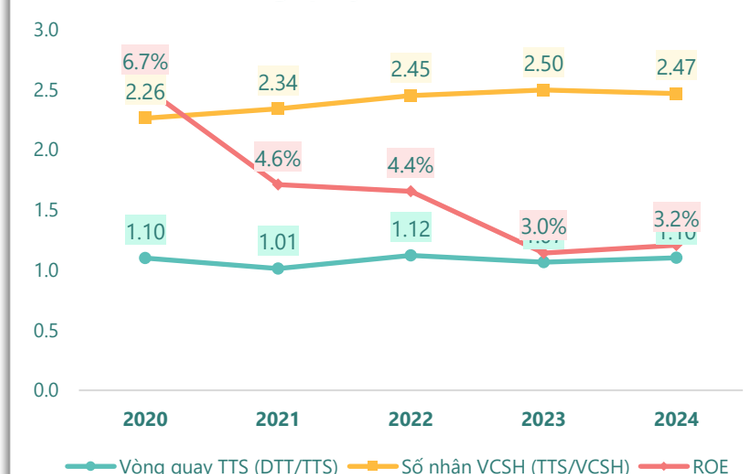
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



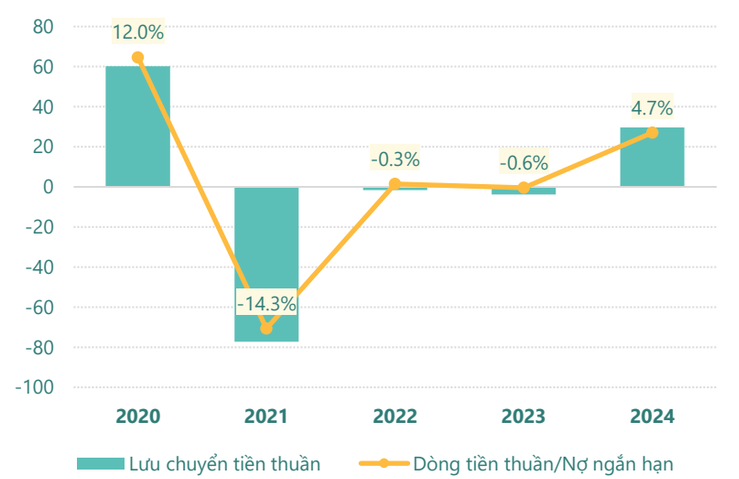
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**278**	**274**	**1.6%**	**1,140**	**1,084**	**5.2%**
Giá vốn hàng bán	242	239	1.3%	1,002	939	6.8%
Lợi nhuận gộp	36.1	34.6	4.4%	138	145	-4.7%
Doanh thu HĐTC	2.46	1.29	90.5%	8.68	5.73	51.6%
Chi phí TC	7.85	9.49	-17.2%	36.7	44.1	-16.8%
Chi phí lãi vay	7.85	9.47	-17.1%	36.6	43.7	-16.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	18.8	16.6	13.2%	71.0	66.7	6.4%
Chi phí QLDN	**6.00**	**5.91**	**1.5%**	**23.0**	**24.9**	**-7.6%**
LN thuần từ HĐKD	5.93	3.92	51.2%	16.0	14.8	7.9%
Lợi nhuận khác	**-0.38**	**0.05**	**-857%**	**0.32**	**0.81**	**-60.4%**
LN trước thuế	5.55	3.97	39.8%	16.3	15.7	4.4%
Lợi nhuận sau thuế	**3.88**	**3.39**	**14.5%**	**13.5**	**12.4**	**9.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.88**	**3.39**	**14.5%**	**13.5**	**12.4**	**9.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-42.8	1.63	-5.00	11.5	5.53	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.09	1.58	13.8	2.98	-6.28	-1.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	42.7	-6.80	-3.92	16.6	14.0	-2.13
Tiền đầu kỳ	34.7	39.8	36.2	41.1	72.1	69.4
Lưu chuyển tiền thuần	**5.08**	**-3.59**	**4.90**	**31.1**	**13.3**	**-15.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	39.8	36.2	41.1	72.1	85.4	53.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,084**	**1,059**	**2.4%**
Tài sản ngắn hạn	904	877	3.1%
Tiền và tương đương tiền	53.9	69.4	-22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.2	42.2	0.0%
Phải thu ngắn hạn	351	314	11.6%
Hàng tồn kho	448	440	1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	8.90	10.3	-13.6%
Tài sản dài hạn	**180**	**182**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	0.22	0.25	-12.0%
Tài sản cố định	136	139	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	31.1	31.0	0.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.23**	**1.68**	**32.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	654	632	3.4%
Nợ ngắn hạn	**654**	**632**	**3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	570	572	-0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.9	37.1	77.5%
Nợ dài hạn	0.27	0.74	-63.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.45	0.51	-10.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**430**	**426**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**430**	**426**	**0.9%**
Vốn điều lệ	334	334	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)